

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP.LONG KHÁNH- TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2020/ HNGĐ-ST

*Long Khánh, ngày 12 tháng 11 năm 2020*

Ngày: 12/11/2020

**V/v: “ly hôn”**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Hồng N.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Thanh T*

*2/ Bà Võ Thị D*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T, cán bộ TAND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.*

*- Đại diện VKS nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn B - Kiểm sát viên.*

Ngày 12/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2020/TLST - HNGĐ ngày 18/6/2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST- HNGĐ ngày 26/10/2020 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tú Tr, sinh năm 1993*

*Địa chỉ: Hẻm 102/4 Nguyễn Trãi, khu phố 2, phường Xuân Hòa, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).*

*\* Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc Th, sinh năm 1992*

*Địa chỉ: Tổ 9, ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tường trình, nguyên đơn bà Hoàng Thị Tú T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Phúc Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh. Trước khi kết hôn không ai có vợ có chồng. Quá trình chung sống thì vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm hay gây gổ. Hiện tại bà nhận

thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tú Q, sinh ngày 28/7/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Quỳnh và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bà T đã giao nộp các chứng cứ: Đơn khởi kiện, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con.

\* Theo bản tường trình, biên bản đối chất bị đơn ông Nguyễn Phúc Th trình bày:

Năm 2013 thì ông có kết hôn với bà Hoàng Thị Tú T và có 1 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tú Q sinh ngày 28/07/2014. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì ông còn thương vợ, thương con. Ông muốn hòa giải để tiếp tục mối quan hệ.

Quá trình giải quyết vụ án ông Th đã giao nộp các chứng cứ: Bản tự khai.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập cho ông Th nhưng ông Th không đến làm việc. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh, bản tự khai của bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, bà Đặng Thị Mộng Th, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà Th và bà Ph. Biên bản niêm yết.

I. Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Long Khánh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Long Khánh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Long Khánh.

- Về quan hệ pháp luật: TAND thành phố Long Khánh xác định quan hệ pháp luật “ Ly hôn” là đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 28 BLTTDS.

- Về việc xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn và bị đơn : bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Th. Vì vậy, tư cách tham gia tố tụng bà T là nguyên đơn và ông Th là bị đơn trong

vụ án là đúng quy định của pháp luật, quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS 2015.

- Về thu thập chứng cứ: Đúng theo quy định của pháp luật theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 18/6/2020, Tòa án thụ lý vụ án đến ngày 26/10/2020 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.( Trễ 08 ngày).

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử : Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2020 đúng quy định tại điều 220 BLTTDS 2015.

- Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Đúng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng: Đúng quy định của pháp luật tại Điều 170 đến Điều 181 BLTTDS 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án”*

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn và bị đơn : Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 BLTTDS năm 2015 và những quy định khác của pháp luật. Riêng bị đơn không có mặt đầy đủ tại các buổi làm việc khi được Tòa án triệu tập.

- Đối với người làm chứng : Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 78, Điều 234 BLTTDS năm 2015 và những quy định khác của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Bà T và ông Th kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông bà có 1 con chung, nhưng sau này do phát sinh mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn xin ly hôn với ông Th ra TAND thành phố Long Khánh, mong muốn được ly hôn.

Căn cứ vào Điều 21, 262 Bộ luật TTDS 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông Th.

- Về con chung : Căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 luật HNGĐ 2014 giao cháu Quỳnh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con, ông Th có quyền được thăm nom cháu Quỳnh.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì bà T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Bà Hoàng Thị Tú T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Phúc Th nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 06/10/2020 bà T có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Ngày 26/10 Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Phúc Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tạm hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Ngày 12/11/2020 Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng ông Th vẫn vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ. HĐXX tiến hành xét xử theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị Tú T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, HĐXX nhận định: Bà Hoàng Thị Tú T và ông Nguyễn Phúc Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàng Gòn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông Th chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên gây gổ, cãi vã, lối sống, tính cách không phù hợp. Bà T cho rằng ông Th sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi chơi không về. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông Th không đến Tòa làm việc dù được tổng đạt hợp lệ. Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Ngọc Ph là mẹ của ông Nguyễn Phúc Th đến làm việc nhưng bà Ph cũng không đến. Tại bản tự khai của bà Thu là mẹ của bà T cũng xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng bà T và ông Th là có thật, đã xảy ra từ lâu, vợ chồng không hạnh phúc. Ông Th muốn hòa giải nhưng Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần đề hòa giải nhưng ông không đến. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông Th đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: bà T và ông Th có 1 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tú Q, sinh ngày 28/7/2014. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu Q và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của bà T nhận thấy từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến khi bà T đưa đơn xin ly hôn ông Th cũng không đến làm

việc, bỏ mặc cho việc ly hôn xảy ra, không quan tâm đến việc ly hôn và nuôi con. Vì vậy HĐXX quyết định giao con cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Tú T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0006207 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

[6] Xét quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp về nội dung với nhận định của HĐXX nên chấp nhận. Tuy nhiên không áp dụng luật hôn nhân gia đình năm 2000 là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **\*Tuyên xử :**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Tú T.

- Bà Hoàng Thị Tú T được ly hôn với ông Nguyễn Phúc Th.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Tú Q, sinh ngày 28/7/2014 cho bà Hoàng Thị Tú T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Th được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết bà T, ông Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Tú T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0006207 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

- Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Th, bà T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- THA dân sự TP. Long Khánh.;
- UBND xã Hàng Gòn
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**Phí Thị Hồng N**

